**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SINH HỌC LỚP 7**

**HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2021-2022**

**1. Dinh dưỡng và sinh sản của trùng roi?**

**Nơi sống, di chuyển, bắt mồi, tiêu hóa mồi của trùng biến hình?**

**Cách di chuyển, lấy thức ăn, tiêu hóa và bài tiết của trùng giày?**

=> Gợi ý

- Trùng roi: vừa tự dưỡng vừa dị dưỡng, sinh sản vô tính theo cách phân đôi.

- Trùng biến hình:

+ Nơi sống: mặt bùn trong các ao tù, hồ nước lặng hay váng trên mặt ao hồ.

+ Di chuyển: Nhờ chân giả (do chất nguyên sinh dồn về 1 phía).

+ Bắt mồi nhờ hình thành chân giả.

+ Tiêu hóa nội bào.

- Trùng giày:

+ Di chuyển: bằng lông bơi theo kiểu vừa tiến vừa xoay.

+ Lấy thức ăn: được lông bơi dồn vê lỗ miệng.

+ Tiêu hóa: thức ăn 🡪 miệng 🡪 hầu 🡪 vo viên trong không bào tiêu hóa 🡪 di chuyển trong cơ thể theo quỹ đạo 🡪 biến đổi nhờ enzim (biến thức ăn thành chất lỏng thấm vào chất nguyên sinh).

+ Bài tiết: chất bã được thải ra ngoài qua lỗ thoát.

**2. So sánh dinh dưỡng của trùng sốt rét và trùng kiết lị?**

=> Gợi ý

- Giống: đều ăn hồng cầu.

- Khác:

+ Trùng kiết lị lớn, “nuốt” nhiều hồng cầu cùng một lúc và tiêu hóa chúng, rồi sinh sản nhân đôi liên tiếp.

+ Trùng sốt rét nhỏ hơn, nên chui vào hồng cầu kí sinh (gọi là kí sinh nội bào), ăn hết chất nguyên sinh của hồng cầu rồi sinh sản cho nhiều kí sinh mới cùng một lúc (gọi là kiểu phân nhiều hay liệt sinh) rồi phá vỡ hồng cầu để để ra ngoài. Sau đó mỗi trùng kí sinh lại chui vào các hồng cầu khác để lặp lại quá trình đó.

**3. Nêu tác hại của trùng kiết lị, sốt rét đối với sức khỏe con người?**

=> Gợi ý

- Trùng kiết lị gây các vết loét ở thành ruột để nuốt hồng cầu ở đó, gây chảy máu. Chúng sinh sản rất nhanh làm người bệnh đi ngoài liên tiếp, suy kiệt sức khỏe rất nhanh, có thể nguy hiểm đến tính mạng nếu không được chữa kịp thời.

- Trùng sốt rét gây bệnh sốt rét cho người:

+ Gây thiếu máu: Do ký sinh trùng vào trong máu nên chúng phá vỡ hàng loạt hồng cầu, dẫn đến thiếu máu, da xanh, môi thâm, mệt mỏi, gầy yếu.

+ Trẻ em bị mắc bệnh sốt rét cơ thể còi cọc chậm lớn, kém thông minh.

+ Phụ nữ có thai mắc sốt rét dễ gây sảy thai, đẻ non hoặc khi sinh nở dễ mắc phải những tai biến.

**4. Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh? Kể tên một số động vật nguyên sinh có lợi trong ao nuôi cá?**

=> Gợi ý

- Đặc điểm chung của ĐVNS:

+ Cơ thể có kích thước hiển vi, chỉ là 1 tế bào nhưng đảm nhận mọi chức năng

+ Dinh dưỡng: phần lớn dị dưỡng

+ Di chuyển bằng chân giả, roi bơi, lông bơi hay tiêu giảm.

+ Sinh sản vô tính kiểu phân đôi.

- Một số động vật nguyên sinh có lợi trong ao nuôi cá: Trùng roi xanh và các trùng roi tương tự, các loại trùng cỏ khác nhau,... Chúng là thức ăn của các giáp xác nhỏ và động vật nhỏ khác. Các động vật này là thức ăn quan trọng của cá và các động vật thủy sinh khác (ốc, tôm, ấu trùng sâu bọ,...)

**5. Dinh dưỡng và sinh sản của thủy tức? Ý nghĩa của tế bào gai trong đời sống của thủy tức?**

=> Gợi ý

- Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng. Quá trình tiêu hóa thực hiện ở khoang tiêu hóa nhờ dịch từ tb tuyến

- Sự TĐ khí thực hiện qua thành cơ thể

- Các hình thức sinh sản:

+ Sinh sản vô tính: mọc chồi

+ Sinh sản hữu tính: hình thành tb sinh dục đực, cái (tinh trùng và trứng)

+ Tái sinh: 1 phần cơ thể tạo nên 1 cơ thể mới

**-** Tế bào gai có vai trò quan trọng trong lối sống bắt mồi và tự vệ của thủy tức. Đây cũng là đặc điểm chung của tất cả đại diện khác của ruột khoang.

**6. Cách di chuyển của sứa trong nước**?

=> Gợi ý: Sứa di chuyển bằng dù. Khi phồng lên, nước biển được hút vào. Khi dù cụp lại, nước biển bị ép mạnh thoát ra ở phía sau giúp sứa lao nhanh về phía trước. Như vậy sứa di chuyển theo kiểu phản lực. Thức ăn cũng theo dòng nước mà hút vào lỗ miệng.

**7. Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi?**

=> Gợi ý: Sự mọc chồi của san hô và thủy tức hoàn toàn giống nhau. Chúng khác nhau ở chỗ: khi thủy tức trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập, còn san hô thhì cứ tiếp tục dính với cơ thể bố mẹ để tạo thành các tập đoàn.

**8. Cấu tạo Ruột khoang sống bám và ruột khoang sống tự do có đặc điểm gì chung?**

=> Gợi ý: Ruột khoang sống bám (thủy tức, hải quỳ, san hô) và ruột khoang sống tự do (sứa) có các đặc điểm chung sau:

Cơ thể đều đối xứng tỏa tròn.

Thành cơ thể đều có 2 lớp tế bào: lớp ngoài và lớp trong, giữa là tầng keo.

Đều có tế bào gai tự vệ. Ruột dạng túi: miệng vừa nhận thức ăn vừa nhả bã.

**9. Cấu tạo sán lá gan thích nghi đời sống kí sinh?**

=> Gợi ý

Cơ thể hình lá, dẹp, dài 2 - 5 cm, màu đỏ máu, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển.

Cơ dọc, cơ vòng, cơ lưng bụng phát triển 🡪 luồn lách trong môi trường kí sinh.

Cơ quan sinh dục phát triển: lưỡng tính. Cơ quan sinh dục đực, cơ quan sinh dục cái và tuyến noãn hoàng. Phần lớn có cấu tạo dạng ống phân nhánh chằng chịt

Cơ quan tiêu hóa phát triển.

**10. Đặc điểm cấu tạo ngoài và cấu tạo trong của giun đũa?**

=> Gợi ý

Cấu tạo ngoài:

+ Hình trụ dài 25 cm

+ Lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể 🡪 giúp giun không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa trong ruột non người.

Cấu tạo trong:

+ Thành cơ thể có lớp biểu bì và lớp cơ dọc phát triển

+ Chưa có khoang cơ thể chính thức

+ Ống tiêu hóa thẳng: từ lỗ miệng  hậu môn

+ Tuyến sinh dục dài và cuộn khúc.

**11. Sơ đồ vòng đời của giun đũa?**

Giun đũa Trứng Ấu trùng trong trứng Thức ăn

(ruột người)

 Máu, gan, tim, phổi Ruột non (ấu trùng chui ra)

**12. Căn cứ vào nơi kí sinh so sánh giun kim, giun móc câu, giun nào nguy hiểm hơn, loài giun nào dễ phòng chống hơn ?**

=> Gợi ý: giun móc câu nguy hiểm hơn vì chúng kí sinh ở tá tràng, thường được gọi là nơi “bếp núc” của ống tiêu hóa. Tuy thế phòng chống giun móc câu lại dễ hơn giun kim ở chỗ chỉ cần đi giày dép, ủng,… khi tiếp xúc với đất ở những nơi có ấu trùng giun móc câu là đủ.

**13. Giải thích vòng đời của giun kim: Giun gây cho trẻ em phiền toái nào?Do thói quen nào ở trẻ mà giun khép kín được vòng đời**.

=> Gợi ý

Gây cho trẻ em ngứa ngáy về đêm.

Giun kim đẻ trứng ở cửa hậu môn của trẻ vì ở đó thoáng khí. Vì ngứa ngáy trẻ em đưa tay ra gãi và do thói quen mút tay, liền đưa luôn trứng vào miệng tạo cho vòng đời của giun được khép kín.

**14. Hình dạng cấu tạo của trai?**

=> Gợi ý

*- Vỏ trai*

+ Gồm hai mảnh vỏ, gắn với nhau nhờ bản lề.

+ Vỏ trai: 3 lớp: Lớp sừng, Lớp đá vôi, Lớp xà cừ

*- Cơ thể trai*

+ Ngoài: áo trai tạo thành khoang áo có ống hút và ống thoát nước

+ Giữa: tấm mang

+ Trong: thân trai và chân trai

**15. Trai tự vệ bằng cách nào, cấu tạo nào của trai đảm bảo cách tự vệ đó có hiệu quả? Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa gì đối với môi trường nước?**

=> Gợi ý

- Trai tự vệ bằng cách co chân và khép vỏ. Nhờ vỏ cứng chắc và hai cơ khép vỏ cứng chắc nên kẻ thù không thể bửa vỏ ra ăn phần mềm của cơ thể chúng.

**-** Trai dinh dưỡng theo kiểu hút nước để lọc lấy vụn hữu cơ, động vật nguyên sinh, các động vật nhỏ khác, góp phần lọc sạch nước vì cơ thể trai giống như những máy lọc sống. Ởnhững nơi nước ô nhiễm, người ta ăn trai, sò hay bị ngộ độc vì khi lọc nước, nhiều chất độc còn tồn đọng trong cơ thể trai, sò.

**16. Đặc điểm chung và vai trò của ngành thân mềm.**

=> Gợi ý: Đặc điểm chung :

- Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi

- Có khoang áo

- Hệ tiêu hóa phân hóa

- Cơ quan di chuyển thường đơn giản

*Vai trò:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lợi ích** | **Tác hại** |
| + Làm thực phẩm cho con người+ Nguyên liệu xuất khẩu+ Làm thức ăn cho động vật+ Làm sạch môi trường nước+ Làm đồ trang trí, trang sức+ Có ý nghĩa địa chất | + Làm vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán+ Làm hại cây trồng |

**17. Vai trò thực tiễn của lớp giáp xác?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lợi ích** | **Tác hại** |
| + Là nguồn thức ăn của cá+ Là nguồn cung cấp thực phẩm+ Là nguồn lợi xuất khẩu | + Có hại cho giao thông đường thủy+ Có hại cho nghề cá+ Truyền bệnh giun sán |

**18. Đặc điểm cấu tạo và tập tính của nhện?**

=> Gợi ý

- Cơ thể gồm 2 phần:

+ Đầu ngực: Đôi kìm có tuyến độc→ bắt mồi và tự vệ

 Đôi chân xúc giác phủ đầy lông→Cảm giác về khứu giác

 4 đôi chân bò→ Di chuyển chăng lưới

+ Bụng: Đôi khe thở→ hô hấp

 Một lỗ sinh dục→ sinh sản

 Các núm tuyến tơ→ Sinh ra tơ nhện

- Tập tính: Chăng lưới, Bắt mồi, Ôm trứng

**19. Đặc điểm chung và vai trò thực tiễn của lớp sâu bọ?**

*1. Đặc điểm chung*

- Cơ thể gồm 3 phần: đầu, ngực, bụng

- Phần đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh

- Hô hấp bằng ống khí

*2. Vai trò thực tiễn*

|  |  |
| --- | --- |
| **Lợi ích** | **Tác hại** |
| + Làm thuốc chữa bệnh+ Làm thực phẩm+ Thụ phấn cho cây trồng+ Làm thức ăn cho đv khác+ Diệt các sâu bọ có hại+ Làm sạch MT (bọ hung) | + Là động vật trung gian truyền bệnh+ Gây hại cho cây trồng+ Làm hại cho SX nông nghiệp |